

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **40/2022/HN-ST**

Ngày: 18/5/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Danh Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sên, kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 457/2021/TLST - HNGĐ ngày 24/12/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST - HN ngày 04/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST – HN ngày 27/4/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1986.

* *Bị đơn:* Anh Danh L, sinh năm: 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp AB, xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày và yêu cầu như sau:*

- *Về hôn nhân:* Chị và anh L chung sống với nhau từ năm 2006, trước khi chung sống anh chị quen biết nhau là do người quen giới thiệu, sau đó cả hai tìm hiểu rồi tự nguyện đi đến hôn nhân. Anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/5/2006.

Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống ở nhiều nơi, đến năm 2017 thì về sinh sống tại ấp AB, xã MH cho đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên anh chị ly thân cho đến nay. Nguyên

nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, mỗi lần vợ chồng cự cãi thì anh L thường dùng những lời lẽ khi dễ gia đình chị Th.

Trong quá trình chung sống từ năm 2017 cho đến ngày vợ chồng ly thân, anh L có đánh chị vài lần và mỗi lần chị Th đi chợ, anh L đều cho rằng chị đi lấy người khác. Mặc dù chị Th đã nhẫn nhịn và được hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi. Do xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh L.

- *Về con chung*: Chị và anh L có 02 con chung là cháu Danh Thị Tuyết Ng, sinh ngày 25/6/2007 và Danh Quốc L1, sinh ngày 19/10/2017. Hiện nay, 02 cháu đang chung sống cùng anh L. Nay ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L1 và đồng ý giao cháu Ng cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Th xác nhận, trong quá trình chung sống giữa chị và anh L không có phát sinh nên không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh L không có lời trình bày.*

* *Tại phiên tòa*:

- *Chị Th và anh L*: Vắng mặt.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Th được ly hôn với anh L, giao 02 con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản và nợ không có yêu cầu nên không xem xét và buộc chị Th chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh L là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Khi nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì bị đơn đang cư trú và sinh sống tại ấp AB, xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu

Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt và anh L vắng mặt lần 2 không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Th và anh L chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MH và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/5/2006 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Th về việc ly hôn với anh L. HĐXX xét thấy, chị Th cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh L luôn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị Th.

Đồng thời, việc anh chị ly thân từ năm 2017 đến nay nhưng anh chị không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và chị Th cũng cương quyết ly hôn với anh L.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Th và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị Th được ly hôn với anh L.

[3] *Về quan hệ con chung*: Theo lời trình bày của chị Th, chị và anh L có 02 người con là Danh Thị Tuyết Ng (*sinh ngày 25/6/2007*) và Danh Quốc L1 (*sinh ngày 19/10/2017*). Hiện nay, 02 cháu đang chung sống cùng anh L từ khi anh chị ly thân đến nay. Nay, chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L1 và đồng ý để anh L nuôi dưỡng cháu Ng đến khi cả 02 con đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy, việc chị Th đồng ý giao cháu Ng cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là tự nguyện và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của chị Th.

Xét yêu cầu của chị Th về việc được nuôi dưỡng cháu L1. HĐXX xét thấy, từ khi chị và anh L ly thân đến nay thì anh L là người trực tiếp nuôi cháu L1 nên việc để cháu L1 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn là cần thiết nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu L1. Do đó, HĐXX không chấp nhận yêu cầu này của chị Th và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, tiếp tục giao cháu L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, do anh L không có lời trình bày nên HĐXX không xem xét. Nhưng khi cần thiết, anh L có quyền yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Th xác định, không có phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh L nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị Th phải chịu án phí với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Danh L.

2. *Về con chung*: Giao cháu Danh Thị Tuyết Ng (sinh ngày 25/6/2007, giới tính nữ) và Danh Quốc L1 (sinh ngày 19/10/2017, giới tính nam) cho anh L trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị Trần Thị Th chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000877 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên chị Th không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Chị Th và anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã MH;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh